

Bản án số: 31/2022/HS-ST

Ngày 28-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Đức T, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1980, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ ĐP 4, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức Th và bà Trần Thị N; có vợ là Đặng Thị H, sinh năm 1982 và 03 con; con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 03 tháng 01 năm 2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Đặng Hồng V, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1958, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Đ 4, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ và bà Bùi Thị R; có vợ là Vũ Thị Đ, sinh năm 1960 và 02 con; con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

3. Bùi Thị A, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1962 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ ĐV 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình N và bà Đặng Thị B; có chồng là Lê Mạnh T, sinh năm

1958 và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

4. Bùi Bá T, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1961 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Đ 3, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Bá L và bà Bùi Thị B; có vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1960 và 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua tin báo của quần chúng nhân dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã thu giữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh quận K 03 bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có dấu hiệu vi phạm, cụ thể như sau:

Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 270, tờ bản đồ số 20 (303891-9-d) thuộc tổ dân phố Đ 3, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng của ông Phạm Văn Tr (sinh năm 1968) và vợ là Bùi Thị T (sinh năm 1971), địa chỉ ĐP 4, V, K, Hải Phòng (gọi tắt là hồ sơ Tr – T);

Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 262, tờ bản đồ số 20 (303591-9-d) thuộc tổ dân phố Đẩu Sơn 3, phường Văn Đẩu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng của ông Bùi Thanh T (sinh năm 1987) và vợ là Hoàng Thị Thanh H (sinh năm 1987), địa chỉ 31/128 T, L, Hải Phòng (gọi tắt là hồ sơ T – H);

Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 195, tờ bản đồ số 18 (303591-8-d) thuộc tổ dân phố Đ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng của ông Bùi Tiến N (sinh năm 1961) và vợ là Ngô Thị T (sinh năm 1961), địa chỉ Đ 1, V, K, thành phố Hải Phòng (gọi tắt là hồ sơ T - N).

Đối với hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn T và vợ là Bùi Thị T

Khoảng tháng 10/2017, gia đình bà T đã thống nhất nhờ Bùi Đức T làm giúp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 270, tờ bản đồ số 20 tại Đ 3, V, K. Nguồn gốc đất của gia đình bà T là nhận chuyển nhượng từ anh rể Lê Văn Tám, chị gái Bùi Thị Lý vào năm 2001, đất ở do UBND xã Bắc Hà cấp. Bà T đã chuyển cho T một số tài liệu bản gốc gồm: Quyết định số 930QĐ/UB do Bắc Hà cấp ngày 6/9/1993; Đơn chuyển nhượng ngày 26/12/2001 phường ký; Trích đo ký ngày 26/12/2001 phường ký; Biên bản mốc giới 26/12/2001 phường ký và số tiền 50.000.000 đồng (có biên bản giao nhận). Sau đó, T đã liên hệ với Đặng Hồng V để mua 01 (một) phiếu thu ngân sách xã số 46 ngày 10/8/1992 với giá 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Viết ghi theo yêu cầu của T với nội dung người nộp tiền là Lê Văn T, số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), thu khoản “lệ phí cấp đất làm nhà ở tuyến đường 209” rồi ký tên bên dưới mục “kế

toán”, ký chữ ký D dưới mục “thủ quỹ”, ký chữ ký Bùi Bá T dưới mục Ủy ban nhân dân xã. Ngoài ra, Bùi Đức T đã nhờ Bùi Bá T, nguyên cán bộ Ủy ban nhân dân phường V chép lại theo nội dung đơn chuyển nhượng cũ của bà T và nhờ T viết xác nhận ở dưới Đơn xin chuyển nhượng đất ở ngày 28/6/2004. T viết xác nhận “UBND phường V chứng nhận ông bà Lê Văn T, vợ là Bùi Thị L... năm 1992 ông bà được xét cấp diện tích 100m² ... thỏa thuận chuyển nhượng ... cho ông bà Lê Văn T, vợ là Bùi Thị T ... Kính chuyển các cấp có thẩm quyền xét giúp đỡ ông bà. V ngày 29/6/2004. T/M UBND phường”. T cho Thanh 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) rồi mang đơn chuyển nhượng đưa cho bà T để bà T bổ sung chữ ký của hai gia đình. Sau đó, T nhận lại đơn chuyển nhượng từ bà T rồi mang đơn chuyển nhượng đến gặp Bùi Thị A, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V phụ trách văn hóa đề An ký xác nhận vào dưới mục T/M UBND phường V. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, T đã chuyển hồ sơ cho ông Nguyễn Xuân Th – Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V. Một thời gian sau T đã nhận lại toàn bộ hồ sơ đã có chữ ký và xác nhận của Ủy ban nhân dân phường V từ ông Trần Hữu H – cán bộ địa chính phường V rồi nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa do bà Vũ Thị H – nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận. Sau đó, bà Vũ Thị H gọi cho T báo đã có thông báo nộp thuế của hồ sơ nhà bà T. Sau khi nộp thuế xong, một thời gian không thấy hồ sơ nhà bà T ra bìa, T đã đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thì biết được thông tin hồ sơ nhà bà T bị mất phiếu thu và Đơn chuyển nhượng đất ở. Để khắc phục hồ sơ, Thắng tiếp tục mua lại của Đặng Hồng V 01 (một) Phiếu thu ngân sách xã với nội dung như phiếu thu cũ với giá 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) và mang đơn chuyển nhượng đất ở có nội dung như đơn cũ đến xin xác nhận lại của T, A như lần đầu đã làm để hoàn thiện hồ sơ.

Bị can Bùi Đức T khai nhận: Sau khi nhận tài liệu từ gia đình bà T, T đã đến gặp Hoàng Văn B – Nguyên Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường quận K để ông B kiểm tra giúp. Ông B bảo T hồ sơ phải có phải có giấy tờ thể hiện việc công dân đã thực hiện nghĩa vụ tài chính và giấy tờ mua bán phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới làm được nên T đi mua 01 phiếu thu của ông V. Sau khi có phiếu thu và xin xác nhận từ T, A, T đã đưa lại tài liệu cho ông B. Khoảng 2 tháng sau, ông B gọi T đến đưa các tài liệu về cho gia đình bà T ký. Sau khi bà T ký xong, T chuyển lại hồ sơ cho ông B để ông B kiểm tra lần nữa. Ông B kiểm tra hồ sơ và xác nhận hồ sơ đã đảm bảo nên T mang hồ sơ này đến Ủy ban nhân dân phường V để nộp. Sau khi nhận lại hồ sơ từ phường, T đưa lại hồ sơ cho ông B rồi đi cùng bà T đến bộ phận một cửa để làm thủ tục tiếp nhận (hồ sơ ông Hoàng Văn B chuyển cho ai thì T không biết). Sau khi được bà Vũ Thị H thông báo mất tài liệu trong hồ sơ, T gọi bà T vào phòng ông B để bà T biết. Bà T nói hồ sơ đã mất thì mọi người phải có trách nhiệm giải quyết cho bà T rồi bà T rời đi. Khi chỉ còn T với ông B thì ông B bảo T tìm cách khắc phục giải quyết nên T đã mua lại phiếu thu của Đặng Hồng V. Đối với Đơn xin chuyển nhượng đất ở là do ông B đưa cho T rồi T đi xin xác nhận lại của T, A như lần trước. Khi nhận tài liệu từ A thì Đơn xin chuyển nhượng đất ở đã hoàn thiện dấu chức danh, dấu tròn Ủy ban nhân dân phường V

Trong quá trình làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, T chi tiền mặt cho ông Hoàng Văn B số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu

đồng) và chi tiền mặt cho bà Vũ Thúy Ha – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Mục đích của việc chi tiền này là để làm hồ sơ cho nhà bà T, việc đưa tiền không có ai chứng kiến và không có tài liệu chứng minh.

Bùi Thị A khai nhận không đóng dấu tròn của UBND phường V và dấu chức danh Phó Chủ tịch Bùi Thị A, Bùi Đức T cho An tổng cộng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Đối với hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T và vợ là Hoàng Thị Thanh H

Năm 2006, bà Hoàng Thị Thanh H cùng chồng là Bùi Thanh T được bà Đặng Thị T, sinh năm 1963 và ông Bùi Trung Đ, sinh năm 1961, địa chỉ: Tổ 5 phường T, K, Hải Phòng (là bố mẹ của anh T) tặng cho thửa đất số 262, tờ bản đồ số 20 (303591-9-d) thuộc tổ dân phố Đ 3, phường V, quận K, TP Hải Phòng. Việc tặng cho không có giấy tờ hợp đồng mà cho bằng miệng. Khoảng tháng 8/2020, bà H và ông T có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà H đã đại diện gia đình nhờ Đặng Văn A, sinh năm 1981, địa chỉ: 66/373 L, B, K, Hải Phòng (là chủ văn phòng nhà đất Hùng A) làm dịch vụ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng). Bà H đã chuyển cho Đặng Văn A số tiền trên và các tài liệu gồm 02 (hai) tờ Phiếu thu ghi ngày 10/10/1994 (phiếu thu không có dấu đỏ xác nhận của cơ quan nào, chỉ có chữ ký của người nộp tiền là bà Đặng Thị T và chữ ký người thu tiền nhưng không ghi họ tên, khoản tiền nộp là 1.000.000 đồng (nhập tiền hoa màu đất) và 7.000.000 đồng (tạm nhập tiền lệ phí đất thổ cư), 01 (một) trích đo (bà H không nhớ năm) và giấy tờ tùy thân của gia đình (không có phiếu thu ngân sách xã số 55 ngày 29/10/1992 của UBND xã Bắc Hà). Sau đó, do bận công việc nên Đặng Văn A đã nhờ Bùi Đức T làm dịch vụ cho hồ sơ này và chuyển cho T 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cùng toàn bộ tài liệu của nhà bà H cho Bùi Đức T để hoàn thiện hồ sơ. Đặng Văn A nhờ Nguyễn Thị H là nhân viên của văn phòng Hùng A ghi thông tin hỗ trợ cho T vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ khai thuế còn các tài liệu khác trong hồ sơ theo lời khai của Văn A do Thắng làm và Thắng đã mang USB đến văn phòng nhà đất Hùng A để in tài liệu. Sau đó, Đặng Văn A đã chuyển các tài liệu cho bà H để gia đình ký. Khi nhận lại tài liệu từ bà H, Đặng Văn A chuyển lại cho T. Quá trình hoàn thiện hồ sơ, Bùi Đức T đã gặp Đặng Hồng V để mua 01 phiếu thu ngân sách xã số 55 ngày 29/10/1992 với giá 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). V ghi theo yêu cầu của T với nội dung người nộp là Đặng Thị T, số tiền 6.580.000 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng), thu khoản “nộp tiền cấp đất thổ cư” rồi ký vào bên dưới mục “kế toán”, “thủ quỹ”, “UBND xã”. Ngoài ra, T còn đến gặp Bùi Bá T và Bùi Thị A để xin xác nhận của Ủy ban nhân dân phường V vào Giấy tặng cho đất ở ngày 20/5/2006. T đã viết nội dung “UBND phường V xác nhận bà Đặng Thị T ... chồng là Bùi Trung Đ ... có diện tích đất 94,4m² ... nay tặng cho con để là Bùi Thanh T ... là thực. Kính chuyển cấp thẩm quyền tạo điều kiện giúp đỡ gia đình. V ngày 22/5/2006. T/M UBND phường” còn Bùi Thị A ký bên dưới mục T/M UBND phường V. Khoảng vài tháng sau, do không thấy T liên lạc nên

Đặng Văn A đã đến nhà T để tìm thì được biết thông tin T đã đi trốn nợ. Do vậy, Đặng Văn A nhờ Bùi Đức Th là em trai của T làm nốt hồ sơ cho nhà bà H với giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Đặng Văn A khai nhận hồ sơ T và Th làm như thế nào thì Đặng Văn A không biết, đến khi Đặng Văn A nhận lại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H từ Th thì hồ sơ đã đầy đủ thủ tục của Ủy ban nhân dân phường V. Đặng Văn A tiếp tục nhờ Nguyễn Văn C làm phần việc còn lại cho hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà bà H với giá 100.000.000 đồng. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Đặng Văn A nhận từ C và đưa lại cho bà H.

Bùi Đức Th khai nhận: Ông Th có làm việc với Đặng Văn H – cán bộ địa chính phường V để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều lần nhưng không liên quan đến hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T, vợ là Hoàng Thị Thanh H. Ông Thuần không làm bất cứ thủ tục gì liên quan đến hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T, vợ là Hoàng Thị Thanh H.

Đặng Văn H khai nhận: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T, vợ là Hoàng Thị Thanh H, ông H nhận từ Bùi Đức Th trong đó đã có Phiếu thu ngân sách xã số 55 ngày 29/10/1992 của UBND xã Bắc Hà. Sau đó, ông H hoàn tất các thủ tục ở phường rồi chuyển lại cho Th.

Lời khai của những người đã ký tên vào Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà Đặng Thị T vào ngày 09/9/2020:

+ Bà Bùi Thị H khai nhận: Bà H nguyên là cán bộ ruộng đất xã Bắc Hà. Bà H không tham gia cuộc họp xác minh nguồn gốc đất của UBND phường V ngày 09/9/2020. Bà H không nhớ có ký tên hay viết tên vào mục “Thành phần tham gia” của biên bản này hay không.

+ Ông Bùi Đình T khai nhận: Ông T ký tài liệu trên tại nhà của ông T nhưng không nhớ chính xác thời gian ký là vào khi nào và không nhớ ai là người mang tài liệu này cho ông ký. Ông T không tham gia cuộc họp xác minh đất nhà bà T và cũng không được mời họp. Do ông T biết thừa đất nhà bà T có nguồn gốc đất ở, từ trước đến nay không có tranh chấp, khiếu kiện gì nên ký xác nhận giúp vào biên bản nói trên và không được hưởng bất kỳ lợi ích nào.

+ Ông Trần Đình D khai nhận: Ông D nguyên là thủ quỹ Ủy ban nhân dân xã Bắc Hà (thị xã K, TP Hải Phòng. Ông D ký vào tài liệu trên tại nhà ông D nhưng không nhớ chính xác thời gian ký do một nam thanh niên (D không biết là ai) nhờ ký. Ông D biết đất của bà T là đất ở, đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì nên đã ký vào trang cuối của biên bản. D không nhớ khi ký xong có được nam thanh niên cho tiền hay không và D cũng không tham gia cuộc họp xác minh nguồn gốc đất nào của Ủy ban nhân dân phường V.

Đối với hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Tiến N và vợ là Ngô Thị T

Ông Bùi Tiến N khai nhận: Năm 1993, ông N nhờ bà Bùi Thị H, nguyên cán bộ ruộng đất xã Bắc Hà tìm mua đất giúp ông. Bà H giới thiệu bà Trần Thị Q – người cùng làng có đất bán nên bà H đã làm thủ tục mua hộ ông N. Ông N đã đưa cho bà H số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) để bà H mua đất và sau đó bà H đã

đưa cho ông N 02 (hai) loại giấy tờ gồm có: Biên bản giao đất đền đất ở cho những hộ xã viên có nhu cầu chuyển về khu quy hoạch dân cư; Đơn xin chuyển nhượng đất ở. Đến năm 1994, bà H gặp ông N lấy lại các giấy tờ trên để đi xin Quyết định về việc hợp pháp hóa đất thổ cư của thị xã K. Bà H làm như thế nào ông không biết. Sau khi làm xong, bà H đưa Quyết định về việc hợp pháp hóa đất thổ cư cùng 02 tài liệu nêu trên cho ông N. Đến khoảng năm 2000 (ông N không nhớ chính xác mốc thời gian) bà H đưa cho ông N 01 (một) Phiếu thu ngân sách xã số 25 ngày 10/3/1993 của UBND xã Bắc Hà và bảo với ông N phải có phiếu thu lệ phí chuyển nhượng đất thổ cư này thì mới làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông N không nhớ khi nhận Phiếu thu thì có phải trả tiền cho bà H hay không. Đến khoảng năm 2020, ông N nhờ cháu là Phạm Thị H (sinh năm 1990, địa chỉ số 715 N, V, K, Hải Phòng) làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Sau đó, Hiền nhờ Đinh Thanh B, là nhân viên hợp đồng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai làm hồ sơ cho nhà ông N. B lại nhờ Nguyễn Văn C làm hồ sơ trên. C nhận lời, theo lời khai của C thì lúc đó trong hồ sơ đã đầy đủ tài liệu, có Phiếu thu ngân sách xã số 25 ngày 10/2/1993. C đưa hồ sơ cho Đặng Văn H để hoàn thiện thủ tục tại Ủy ban nhân dân phường. Sau đó, C mang hồ sơ đến bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân quận K nộp và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của Đặng Hồng V thu giữ 01 (một) Phiếu thu ngân sách xã số 60 ngày (bỏ trống) tháng 5 năm 1994 của UBND xã Bắc Hà ghi người nộp Trần Quốc H, tại phần UBND xã (Ký tên, đóng dấu) chỉ có dấu tròn và chữ ký, không có dấu chức danh Chủ tịch Bùi Bá T (đã ép plastic). Đặng Hồng V khai nhận Phiếu thu trên do Trần Quốc H (không rõ tuổi, địa chỉ) đặt mua của V nhưng sau đó do thiếu dấu chức danh Chủ tịch Bùi Bá T nên H đã không lấy nữa.

Bà Bùi Thị T giao nộp 01 (một) Giấy viết tay thể hiện Bùi Đức T nhận tiền và tài liệu của bà T. Mặt thứ nhất ghi “Giấy biên nhận tiền” cùng một số nội dung ngày 9/1/2018; mặt thứ hai ghi một số nội dung ngày 20/01/2018.

Đặng Hồng V tự nguyện giao nộp số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng)

Bùi Thị A tự nguyện giao nộp số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng);

Bùi Bá T tự nguyện giao nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định số 220/KLGD-PC09 ngày 30/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an TP Hải Phòng kết luận:

- Chữ ký mang tên Chủ tịch Bùi Bá T trên các tài liệu cần giám định là 03 (ba) Phiếu thu ngân sách xã liên 3 của UBND xã Bắc Hà gồm: Số 46 ngày 10/8/1992; số 55 ngày 29/10/1992 và số 25 ngày 10/3/1993 so với chữ ký mang tên Chủ tịch Bùi Bá T trên các tài liệu mẫu so sánh **không phải do cùng một người ký ra.**

- Hình dấu chức danh có nội dung “CHỦ TỊCH Bùi Bá T” trên các tài liệu cần giám định là 03 (ba) Phiếu thu ngân sách xã liên 3 của UBND xã Bắc Hà gồm: Số 46 ngày 10/8/1992; số 55 ngày 29/10/1992 và số 25 ngày 10/3/1993 so với hình

dấu chức danh có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh **không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

- Chữ ký tại mục “Kế toán” trên các tài liệu cần giám định là 03 (ba) Phiếu thu ngân sách xã liên 3 của UBND xã Bắc Hà gồm: Số 46 ngày 10/8/1992; số 55 ngày 29/10/1992 và số 25 ngày 10/3/1993 so với chữ ký tại mục “Kế toán” trên các tài liệu mẫu so sánh và chữ ký của người mang tên Đặng Hồng V trên tài liệu mẫu so sánh **là do cùng một người ký ra.**

- Chữ ký tại mục “Thủ quỹ” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của người mang tên Trần Đình D trên tài liệu mẫu so sánh **không phải do cùng một người ký ra.**

- Chữ ký mang tên Phó Chủ tịch Bùi Thị A trên các tài liệu cần giám định là Đơn xin chuyển nhượng đất ở mang tên Lê Văn T cùng vợ là Bùi Thị L ghi ngày 28/6/2004, có xác nhận ghi ngày 29/6/2004 của UBND phường V và Giấy tặng cho đất ở mang tên Đặng Thị T cùng chồng là Bùi Trung Đ ghi ngày 20/5/2006, có xác nhận ghi ngày 22/5/2006 của UBND phường Văn Đầu so với chữ ký mang tên Phó Chủ tịch Bùi Thị A trên các tài liệu mẫu so sánh **là do cùng một người ký ra.**

- Hình dấu chức danh có nội dung “PHÓ CHỦ TỊCH Bùi Thị A” trên các tài liệu cần giám định là Đơn xin chuyển nhượng đất ở mang tên Lê Văn T cùng vợ là Bùi Thị L ghi ngày 28/6/2004, có xác nhận ghi ngày 29/6/2004 của UBND phường V và Giấy tặng cho đất ở mang tên Đặng Thị T cùng chồng là Bùi Trung Đ ghi ngày 20/5/2006, có xác nhận ghi ngày 22/5/2006 của UBND phường V so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh **là do cùng một con dấu đóng ra.**

- Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG V Q KIẾN AN TP HẢI PHÒNG” trên các tài liệu cần giám định là Đơn xin chuyển nhượng đất ở mang tên Lê Văn T cùng vợ là Bùi Thị L ghi ngày 28/6/2004, có xác nhận ghi ngày 29/6/2004 của UBND phường V và Giấy tặng cho đất ở mang tên Đặng Thị T cùng chồng là Bùi Trung Đ ghi ngày 20/5/2006, có xác nhận ghi ngày 22/5/2006 của UBND phường V so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh **là do cùng một con dấu đóng ra.**

- Chữ viết từ dòng “UBND phường V chứng nhận ông bà Lê Văn T” đến dòng “Văn Đầu ngày 29/6/2004 T/M UBND phường” trên tài liệu cần giám định là Đơn xin chuyển nhượng đất ở mang tên Lê Văn T cùng vợ là Bùi Thị L ghi ngày 28/6/2004, có xác nhận ghi ngày 29/6/2004 của UBND phường Văn Đầu so với chữ viết của người mang tên Bùi Bá T trên các tài liệu mẫu so sánh **là không đủ cơ sở kết luận.**

- Chữ viết từ dòng “UBND phường Văn Đầu xác nhận bà Đặng Thị T sinh năm 1963” đến dòng “V ngày 22/5/2006 T/M UBND phường” trên tài liệu cần giám định là Giấy tặng cho đất ở mang tên Đặng Thị T cùng chồng là Bùi Trung Đ ghi ngày 20/5/2006, có xác nhận ghi ngày 22/5/2006 của UBND phường V so với chữ viết của người mang tên Bùi Bá T trên các tài liệu mẫu so sánh **là do cùng một người viết ra.**

- Chữ viết tại các vị trí trên các tài liệu: Bảng kê nộp thuế ngày 22/01/2021; Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ mang tên Bùi Thanh T, Hoàng Thị Thanh H ghi ngày 06/9/2020; Tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất mang tên Bùi Thanh T; Tờ khai

thuế thu nhập cá nhân mang tên Đặng Thị Th; Phiếu lấy ý kiến của tổ dân phố đối với thửa đất của ông Bùi Thanh T so với chữ viết của người mang tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh **là do cùng một người viết ra.**

- Chữ viết có nội dung bắt đầu từ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” đến kết thúc là “V, ngày 20 tháng 5 năm 2006” trên tài liệu cần giám định là Giấy tặng cho đất ở mang tên Đặng Thị T cùng chồng là Bùi Trung Đ ghi ngày 20/5/2006 và chữ số tại các mục in sẵn ghi giờ, ngày, tháng trên 02 Biên bản xác minh nguồn gốc đất của bà Đặng Thị T so với chữ viết của người mang tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh **là không đủ cơ sở kết luận.**

- Chữ ký mang tên Chủ tịch Bùi Bá T trên các tài liệu cần giám định là 03 (ba) Phiếu thu ngân sách xã liên 3 của UBND xã Bắc Hà gồm: Số 46 ngày 10/8/1992; số 55 ngày 29/10/1992 và số 25 ngày 10/3/1993 so với các chữ ký mà Đặng Hồng V thừa nhận ký giả ra trên các tài liệu mẫu so sánh **là do cùng một người ký ra.**

- Chữ ký tại mục “Thủ quỹ” trên các tài liệu cần giám định 03 (ba) Phiếu thu ngân sách xã liên 3 của UBND xã Bắc Hà gồm: Số 46 ngày 10/8/1992; số 55 ngày 29/10/1992 và số 25 ngày 10/3/1993 so với các chữ ký mà Đặng Hồng V thừa nhận ký giả ra trên các tài liệu mẫu so sánh **là do cùng một người ký ra.**

- Không tiến hành giám định hình dấu tròn có nội dung “UBND XÃ BẮC HÀ TX K TP HẢI PHÒNG” trên các tài liệu cần giám định là 03 (ba) Phiếu thu ngân sách xã liên 3 của UBND xã Bắc Hà gồm: Số 46 ngày 10/8/1992; số 55 ngày 29/10/1992 và số 25 ngày 10/3/1993 với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh do không đủ yếu tố giám định.

Tại Kết luận giám định số 01/KLGD ngày 04/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an TP Hải Phòng kết luận:

- Chữ viết, chữ ký mang tên Bùi Đức T trừ chữ viết có nội dung “Đã xong”, “Hôm nay ngày 03/01/2022 tôi Bùi Thị Thắm bàn giao tài liệu này cho cơ quan Công an, Bùi Thị T” trên tài liệu cần giám định là 01 Tờ giấy có dòng kẻ nhãn hiệu “Công ty TNHH đầu tư và phát triển P.LAND”; mặt trước có chữ viết bắt đầu bằng chữ “Nay ngày 20/01/2018...” kết thúc bằng chữ “...VĐ ngày 20/01/2018”, dưới mục “Bên nhận” có chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Đức T; mặt sau có chữ viết bắt đầu bằng chữ “Giấy biên nhận tiền...” kết thúc bằng chữ “...phường Văn Đẩu”, dưới mục “Người ký nhận” có chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Đức T so với chữ viết, chữ ký mang tên Bùi Đức T (sinh năm 1980, ĐKTT tổ dân phố ĐP 4, phường V, K, Hải Phòng) trên các tài liệu mẫu so sánh **là chữ viết, chữ ký của cùng một người.**

Tại Kết luận giám định số 63/KL-KTHS(TL) ngày 17/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an TP Hải Phòng kết luận:

Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG V Q K TP HẢI PHÒNG” trên các tài liệu cần giám định là Đơn xin chuyển nhượng đất ở mang tên Lê Văn T cùng vợ là Bùi Thị L ghi ngày 28/6/2004, có xác nhận ghi ngày 29/6/2004 của UBND phường V và Giấy tặng cho đất ở mang tên Đặng Thị T cùng chồng là Bùi Trung Đ ghi ngày 20/5/2006, có xác nhận ghi ngày 22/5/2006 của UBND phường V so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (là các tài liệu có

dấu tròn “U.B.N.D PHƯỜNG V Q K TP HẢI PHÒNG” của các năm 2006, 2007, 2019, 2020, 2021) **là do cùng một con dấu đóng ra.**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 03/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, thành phố Hải Phòng đã khởi tố vụ án hình sự về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự. Ngày 03/01/2022 đã khởi tố bị can đối với Bùi Đức T ; ngày 18/01/2022 đã khởi tố bị can đối với Đặng Hồng V, ngày 19/5/2022 đã khởi tố bị can đối với Bùi Thị A, Bùi Bá T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố Bùi Đức T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố Đặng Hồng V về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K rút một phần quyết định truy tố đối với Bùi Đức T: Truy tố Bùi Đức T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, khoản 4 Điều 341, Điều 38, Điều 17, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Đức T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ để sung quỹ nhà nước; áp dụng điểm b, c, d khoản 2 Điều 341, khoản 4 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Đặng Hồng V từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với Đặng Hồng V từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ để sung quỹ nhà nước; áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, khoản 4 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Thị A từ 27 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 54 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ để sung quỹ nhà nước; xử phạt Bùi Bá T từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ để sung quỹ nhà nước Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 46.200.000đ. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Đức T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn tiền án phí đối với Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T.

Các bị cáo Bùi Đức T, Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại do đó các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[3] Về việc rút một phần quyết định truy tố và thay đổi quyết định truy tố đối với Bùi Đức T: Kết thúc phần xét hỏi, đại diện VKSND quận Kiến rút một phần quyết định truy tố đối với Bùi Đức T về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội từ 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, quyết định thay đổi quyết định truy tố đối với Bùi Đức T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” từ điểm a khoản 3 Điều 341 sang truy tố theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Việc rút một phần quyết định truy tố và thay đổi quyết định truy tố của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa phù hợp với khoản 1 Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự và phù hợp với thực tế vụ án được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tội danh:

Bị cáo Bùi Đức T làm giả 05 tài liệu gồm có: Mua 03 phiếu thu ngân sách xã phường của Đặng Hồng V để làm giả bao gồm: 02 Phiếu thu ngân sách xã số 46 ngày 10/8/1992 của Ủy ban nhân dân xã Bắc Hà, 01 Phiếu thu ngân sách xã số 55 ngày 29/10/1992 của Ủy ban nhân dân xã Bắc Hà; làm giả 01 Đơn xin chuyển nhượng đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ vụ Tr – T và làm giả 01 Giấy tặng cho đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vụ T – Hn; bị cáo Đặng Hồng V việc có hành vi bán cho Bùi Đức T 03 phiếu thu nêu trên đồng thời ký giả mạo chữ ký của ông Bùi Bá T, Trần Đình D và viết nội dung trong 03 phiếu thu thu lợi bất chính 40.000.000đ; Bị cáo Bùi Thị A có hành vi ký thay mặt UBND phường vào 01 Đơn xin chuyển nhượng đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ vụ Tr – T và làm giả 01 Giấy tặng cho đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vụ T – H, hưởng lợi 6.000.000; Bị cáo Bùi Bá T có hành vi viết xác nhận để cho bà Bùi Thị A ký vào

01 Đơn xin chuyển nhượng đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ vụ Trình – T và làm giả 01 Giấy tặng cho đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vụ T – H, hưởng lợi 200.000đ. Hành vi của Bùi Đức T đã vi phạm điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; hành vi của Đặng Hồng V đã vi phạm điểm b, c, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; hành vi của Bùi Thị A, Bùi Bá T vi phạm điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Như vậy VKSND quận K đã truy tố các bị cáo về tội danh theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của các bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan, tổ chức, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, của công dân đồng thời còn gây mất trật tự, an toàn xã hội; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn quận, đồng thời gây hoang mang, dao động, mất lòng tin của nhân dân đối với đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước đặc biệt là trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, pháp luật yêu cầu phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Bùi Đức T có hành vi làm giả 05 tài liệu; Đặng Hồng V có hành vi bán cho Bùi Đức T 03 phiếu thu ngân sách xã, giúp sức cho Bùi Đức T trong việc làm giả 03 Biên lai ngân sách xã và hưởng lợi 40.000.000đ; Bùi Thị A, Bùi Bá T có hành vi viết, ký xác nhận với tư cách thay mặt UBND phường V vào 02 tài liệu là Đơn xin chuyển nhượng đất ở và Giấy tặng cho đất ở. Như vậy bị cáo Bùi Đức T đã làm giả 05 tài liệu vi phạm điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Hồng V đã vi phạm điểm b, c, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T đã vi phạm điểm b,c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Vì vậy bị cáo Bùi Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đặng Hồng V phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b,c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tính chất của đồng phạm: Các bị cáo Bùi Đức T, Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo khi thực hiện tội phạm; các bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T chỉ có hành vi giúp sức cho Bùi Đức T trong việc làm giả tài liệu, do vậy đây chỉ là hình thức đồng phạm giản đơn, tự phát, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo Bùi Đức T, Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T do đã phải chịu tình tiết tăng nặng định

khung hình phạt là phạm tội từ 02 lần trở lên theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự nên không áp dụng tình tiết này là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Đức T, Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tại giai đoạn điều tra, các bị cáo Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, sau khi phạm tội, bị cáo Việt đã ra đầu thú; bị cáo có mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bản thân được tặng giấy khen trong công tác phòng chống dịch Covid 19; bị cáo Bùi Thị A quá trình công tác được tặng nhiều Bằng khen, giấy khen. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt đối với bị cáo Bùi Đức T: Bị cáo Bùi Đức T là người khởi xướng, nhận tiền làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trực tiếp mua 03 phiếu thu, yêu cầu bị cáo Việt viết các nội dung trong phiếu thu đã mua của bị cáo Việt, trực tiếp cầm Đơn xin chuyển nhượng đất ở và Giấy tặng cho đất ở để bị cáo An và bị cáo Thanh ký xác nhận, đưa tiền cho bị cáo An và Thanh. Như vậy về vai trò, bị cáo có vai trò cao nhất, có ý nghĩa quyết định đến hành vi phạm tội của các bị cáo khác trong vụ án. Mặt khác, bị cáo làm giả 05 tài liệu, đây là số lượng cao nhất trong vụ án do vậy bị cáo phải chịu mức hình phạt cao và nghiêm khắc nhất. Việc áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” với mức án nghiêm khắc và cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo.

[11] Về hình phạt đối với bị cáo Đặng Hồng V: Bị cáo là người có hành động tích cực khi tham gia phạm tội. Bị cáo có hành vi bán cho Bùi Đức T 03 phiếu thu, giả chữ ký của ông Trần Đình Dốc và Bùi Bá Tuyên và viết vào nội dung phiếu thu đã bán theo yêu cầu của bị cáo Bùi Đức T, hưởng lợi 40.000.000đ. Về vai trò, bị cáo có vai trò sau bị cáo Bùi Đức T và có vai trò cao hơn so với bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết định khung hình phạt tại khoản 2 Điều 341, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì vậy Hội đồng xét xử đã thận trọng xem xét và thấy cần áp dụng điểm b, c, d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo ở mức cao nhất theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo.

[12] Về hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị A và Bùi Bá T: Bị cáo Bùi Thị A có hành vi ký thay mặt UBND phường vào 01 Đơn xin chuyển nhượng đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ vụ Trinh – T và 01 Giấy tặng cho đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vụ Tùng – Huyền do bị cáo T nhờ, được bị cáo T cho tổng số tiền là 6.000.000đ; Bị cáo Bùi Bá T có hành vi viết xác nhận để cho bà Bùi Thị A ký vào 01 Đơn xin chuyển nhượng đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ vụ Trinh – T và làm giả 01 Giấy tặng cho đất ở trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vụ Tùng – Huyền do T mang đến nhờ và được T cho số tiền là 200.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính để sung quỹ nhà nước; quá trình công tác, bị cáo Bùi Thị A được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen của cơ quan, tổ chức; chồng bị cáo An là ông Lê Mạnh Tiến đang bị bệnh hiểm nghèo. Mặt khác Hội đồng xét xử nhận định tài liệu làm giả quan trọng nhất trong vụ án phải là các biên lai thu ngân sách xã phường do bị cáo T mua của bị cáo Việt và được các bị cáo T, Việt làm giả, có ý nghĩa quyết định đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như dẫn đến gây thiệt hại về nguồn thu thuế của nhà nước; các tài liệu do các bị cáo An, Thanh làm giả chỉ là xác nhận vào Đơn xin chuyển nhượng đất ở và Giấy tặng cho đất ở, các tài liệu này chỉ là thứ yếu, chỉ có ý nghĩa phụ trợ, bổ sung cho tài liệu giả là phiếu thu ngân sách xã phường. Hội đồng xét xử đã thận trọng xem xét và thấy rằng: Bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T tuy có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức nhưng có vai trò thứ yếu, giúp sức, tài liệu làm giả là tài liệu phụ trợ, bổ sung; bản thân các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu do vậy có thể tự cải tạo thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Các bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T đều là người cao tuổi, do vậy việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết mà có thể khoan hồng, chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung là phù hợp với chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước.

[13] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 4 Điều 341 phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo để thể hiện rõ sự nghiêm minh của pháp luật.

[14] Về xử lý vật chứng là số tiền thu lợi bất chính: Trong vụ án này, Đặng Hồng V được hưởng lợi số tiền 40.000.000đ, Bùi Thị A hưởng lợi bất chính 6.000.000đ; bị cáo Bùi Bá T hưởng lợi bất chính 200.000đ, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại do vậy cần tịch thu để sung quỹ nhà nước.

[15] Đối với bà Bùi Thị H: Bà H là người mang Phiếu thu ngân sách xã số 25 ngày 10/2/1993 của Ủy ban nhân dân xã Bắc Hà cho ông Bùi Tiến N (theo lời khai của ông N). Về nguồn gốc Phiếu thu: Hiện chỉ có lời khai của bị cáo Đặng Hồng V thể hiện Việt là người cho bà H Phiếu thu này ở thời điểm khoảng năm 2018. Hành vi của H và V có dấu hiệu tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, theo lời khai của ông Bùi Tiến N thời điểm bà H đưa Phiếu thu cho ông N là thời điểm khoảng năm 2000 (đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự). Bà H hiện bị tai biến nên không nhớ các nội dung sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã tiến hành đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Do vậy, chưa có căn cứ xác định chính xác thời gian bà Hòa nhận Phiếu thu của Đặng Hồng V và mang về cho gia đình ông Bùi Tiến N để xem xét về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bà H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tách hành vi của bà H và bị cáo V đối với phiếu thu này để tiếp tục xác minh, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau. Đối với “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính khi được xã Bắc Hà cấp đất của bà Đặng Thị T ngày 09/9/2020” thấy việc bà H ký vào biên bản là để xác nhận thửa đất của bà Đặng Thị Thùy sử dụng ổn định và không có tranh chấp. Bà H không nhớ nội dung sự việc và không xác định được yếu tố hưởng lợi từ việc ký biên bản nói trên. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận K không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà H về hành vi này là phù hợp pháp luật.

[16] Đối với ông Bùi Đình T: Hành vi ký vào Biên bản xác minh nguồn gốc đất và nghĩa vụ tài chính của ông T có dấu hiệu vi phạm; nhưng xét thấy ông T không biết mục đích của người đến nhờ ký biên bản, không biết nội dung biên bản, việc ký vào biên bản là để xác nhận giúp thửa đất của bà T sử dụng ổn định và không có tranh chấp. Ông T không được hưởng lợi gì từ việc ký biên bản nói trên. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận K không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông T về hành vi này là phù hợp pháp luật.

[17] Đối với Trần Đình D: Dốc là người ký vào “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính khi được xã Bắc Hà cấp đất của bà Đặng Thị T ngày 09/9/2020”. Dốc có biết khu đất trên là của bà Đặng Thị T sử dụng từ trước đến nay, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên D ký vào biên bản. D không biết người mang biên bản đến cho D ký là ai, khi ký D chỉ ký vào trang sau cùng của biên bản xác minh nguồn gốc đất mà không xem lại nội dung biên bản. Hành vi ký vào biên bản xác minh nguồn gốc đất của D có dấu hiệu vi phạm, nhưng xét thấy D không biết nội dung biên bản, mục đích của việc ký là xác nhận cho đất của bà Thùy sử dụng ổn định và không có tranh chấp. Ngoài ra, không xác định được yếu tố hưởng lợi của việc ký biên bản. Xét sai phạm có mức độ nên không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi ký vào Biên bản xác minh nguồn gốc đất và nghĩa vụ tài chính của Trần Đình D.

[18] Đối với Đặng Văn H – công chức địa chính phường V: Ngày 18/01/2022 Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với Đặng Văn H về tội Giả mạo trong công tác quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 359 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra vụ án thấy hành vi của bị can còn liên quan đến một số bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã tách vụ án Giả mạo trong công tác để tiếp tục điều tra, xác minh, kết luận sau.

[19] Đối với ông Hoàng Văn B nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và bà Vũ Thúy H nguyên Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: Bị cáo Bùi Đức Th khai nhận việc đi mua Phiếu thu và xin xác nhận vào Đơn xin chuyển nhượng đất ở cho hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà T có sự hướng dẫn của ông Hoàng Văn B và đưa cho ông B số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và đưa cho bà Vũ Thúy H nguyên là Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà bà Bùi Thị T. Hiện nay chỉ có lời khai của bị cáo Bùi Đức T, ông B, bà H không thừa nhận nội dung nêu trên do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tách ra để tiếp tục điều tra, thu thập chứng cứ, xử lý sau.

[20] Đối với các cán bộ có liên quan còn lại gồm có: Bùi Đức N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V; Trần Tuấn A – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V; Trần Hữu H – nguyên cán bộ địa chính phường V; Nguyễn Xuân Th – nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V; Vũ Thị H – cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K; Hoàng Minh C – cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K; Dương Việt H – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K. Trong quá trình công tác có dấu hiệu vi phạm nhưng còn nhiều vấn đề tiếp tục phải điều tra, làm rõ nên Cơ quan CSĐT Công an quận K tách ra để tiếp tục điều tra, thu thập chứng cứ, xử lý sau.

[21] Đối với Bùi Đức Th: Theo lời khai của Đặng Văn A, sau một thời gian Bùi Đức T nhận làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T, vợ là Hoàng Thị Thanh H thì Đặng Văn A tiếp tục nhờ Bùi Đức Th làm hồ sơ này. Tuy nhiên, Bùi Đức T và Bùi Đức Th khai không làm hồ sơ nhà ông T, bà H. Các tài liệu trong hồ sơ chưa đủ căn cứ để đánh giá hành vi của Bùi Đức Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tách hành vi của Bùi Đức Th để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[22] Đối với Đặng Văn A: Có tham gia làm dịch vụ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T, vợ là Hoàng Thị Thanh H. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ thể hiện Văn A tham gia vào việc làm giả tài liệu của bị cáo Bùi Đức T, Đặng Hồng V. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K không xem xét xử lý.

[23] Đối với Nguyễn Văn Công: Có tham gia làm dịch vụ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T, vợ là Hoàng Thị Thanh H và hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Tiến N, vợ là Ngô Thị T. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ thể hiện Công tham gia vào việc làm giả tài liệu của bị cáo Bùi Đức T, Đặng Hồng V. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K không xem xét xử lý.

[24] Đối với Nguyễn Thị H: Có tham gia làm một số việc cho Đặng Văn A đối với hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T, vợ là Hoàng Thị Thanh H. Tuy nhiên, Hương không tham gia vào việc làm giả các tài liệu của bị cáo Bùi Đức T, Đặng Hồng V. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K không xem xét xử lý.

[25] Đối với Trần Quốc H: Là người mua Phiếu thu ngân sách xã số 60 ngày (bỏ trống) tháng 5 năm 1994 của Ủy ban nhân dân xã Bắc Hà từ bị can Đặng Hồng V nhưng không quay lại lấy. Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Trần Quốc H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[26] Đối với bà Bùi Thị T: Bà T không thỏa thuận thống nhất và không biết bị can T làm giả tài liệu liên quan đến Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà nên không đủ căn cứ để đánh giá về hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của bà T.

[27] Đối với người đóng dấu tròn Ủy ban nhân dân phường Văn Đ, dấu chức danh Phó Chủ tịch Bùi Thị A vào các tài liệu: Đơn xin chuyển nhượng đất ở mang tên Lê Văn T cùng vợ là Bùi Thị L ghi ngày 28/6/2004, có xác nhận ghi ngày 29/6/2004 của Ủy ban nhân dân phường V và Giấy tặng cho đất ở mang tên Đặng Thị T cùng chồng là Bùi Trung Đ ghi ngày 20/5/2006, có xác nhận ghi ngày 22/5/2006 của Ủy ban nhân dân phường V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[28] Đối với người làm và người đưa Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà Đặng Thị T ngày 09/9/2020 cho ông Bùi Đình T và Trần Đình D ký hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch: Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[29] Để đảm bảo sự công bằng cũng như giữ ổn định trật tự xã hội trên địa bàn, Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K và Viện Kiểm sát nhân dân quận K nhanh chóng kết thúc điều tra, truy tố đối với bị can Đặng Văn H và đồng phạm (nếu có) để đưa ra xét xử đồng thời kết luận rõ ràng về hành vi vi phạm của các đối tượng như Dương Việt H, Hoàng Minh C, Trần Tuấn A, Bùi Đức N, Hoàng Văn B, Vũ Thúy H, Trần Hữu H, Nguyễn Xuân T và các đối tượng khác trong vụ án xử lý theo quy định của pháp luật .

[30] Trong vụ án này, các đối tượng đã làm giả các tài liệu để Ủy ban dân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[31] Về án phí: Các bị cáo Bùi Đức T, Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Do các bị cáo Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Bùi Đức T 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 03/01/2022. Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 15.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ điểm b, c, đ khoản 2, khoản 4 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Đặng Hồng V 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341, khoản 4 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt Bùi Thị A 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 10.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Xử phạt Bùi Bá T 27 (hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn thử thách là 54 (năm mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Giao Bùi Thị A, Bùi Bá T cho Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố Hải Phòng nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nêu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian

vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phiari có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Bùi Thị A, Bùi Bá T.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 46.200.000đ theo Ủy nhiệm chi ngày 24 tháng 6 năm 2022.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Bùi Đức T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Đức T, Đặng Hồng V, Bùi Thị A, Bùi Bá T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng thu hồi:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 757971 đối với thửa đất số 270, tờ bản đồ số 20(303591-9-d), diện tích 86,88m², số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00256 do Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị T ngày 22/11/2019;

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 516898 đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 20(303591-9-d), diện tích 93,25m², số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00011 do Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Bùi Thanh T, bà Hoàng Thị Thanh H ngày 25/01/2021;

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 943250 đối với thửa đất số 195, tờ bản đồ số 18(303591-9-d), diện tích 186,27m², số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00111 do Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Bùi Tiến N và bà Ngô Thị T ngày 01/6/2021;

Tiếp tục kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K và Viện Kiểm sát nhân dân quận K nhanh chóng kết thúc điều tra, truy tố đối với bị can Đặng Văn H và đồng phạm (nếu có) để đưa ra xét xử đồng thời kết luận rõ ràng về hành vi vi phạm của các đối tượng như Dương Việt H, Hoàng Minh C, Trần Tuấn A, Bùi Đức N, Hoàng Văn B, Vũ Thúy H, Trần Hữu H, Nguyễn Xuân Th và các đối tượng khác trong vụ án xử lý theo quy định của pháp luật để đảm bảo sự công bằng cùng như giữ ổn định dư luận xã hội trên địa bàn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- CQCSĐT-Công an quận K;
- CQTHAHS-Công an quận K;
- PV06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận K;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Trại tạm giam-Công an TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông